VIETNAM 1:50,000

LÀO CAI

SHEET 5753 I
SERIES L7014

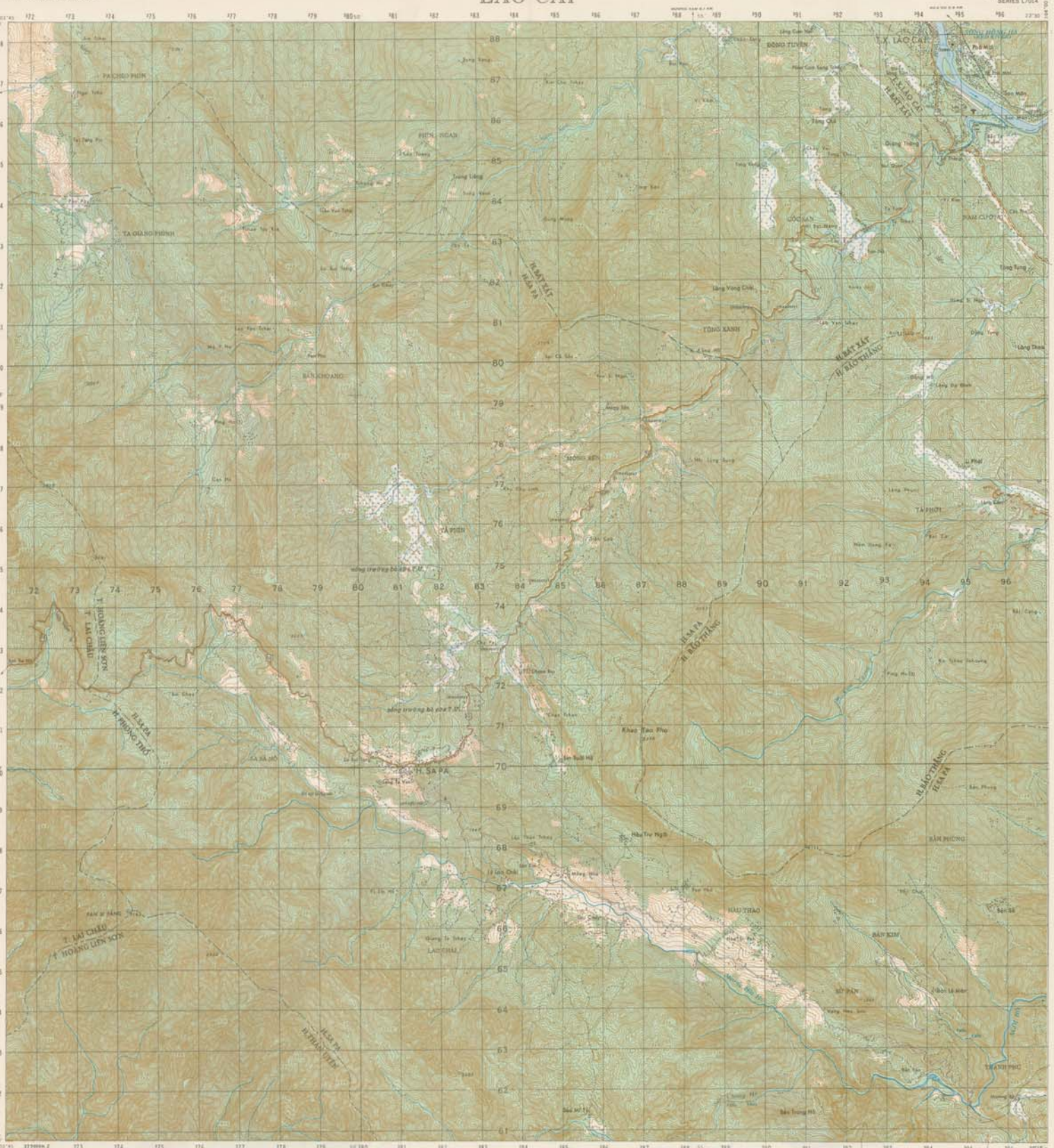

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
IN THÁNG 5 NĂM 1979. CHỈNH LÝ THEO BẢN ĐỒ 1:100.000 UTM IN NĂM 1978.

Scale Échelle 1:50,000

CONTOUR INTERVAL—20 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES

RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES

SPHEROID	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM	APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT

GLOSSARY—GLOSSAIRE—CỔ TỰ

Sông	fleuve	(stream)
Khe	ruisseau	(stream)
Làng	hameau	(settlement)
Mương	ruisseau	(stream)
Suối	ruisseau	(stream)
Sông	fleuve	(stream)
Đồng	plaine	(plain)

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
SUBTRACT G-M ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT MAGNÉTIQUE EN AZIMUT DU QUADRILLAGE
SOUSTRAIRE L'ANGLE G-M

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GÓC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GÓC Ô VUÔNG
TRỪ GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
ADD G-M ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT DU QUADRILLAGE EN AZIMUT MAGNÉTIQUE
AJOUTER L'ANGLE G-M

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GÓC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GÓC TỪ
CỘNG THÊM GÓC V-T

GRID CORRIGENDA
FOR CENTRE OF SHEET
CONVERGENCE DU QUADRILLAGE POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
HỘI-TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TOÀ-ĐỘ TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLÉVATION
CHỈ DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
GIỚI HẠN

ADJOINING SHEETS
FEUILLES ADJACENTES
BẢNG GHÉP BẢN ĐỒ

5754 III	5754 I (5755)	5854 III
5753 IV	5753 I	5853 IV
5752 III	5753 II	5852 III

Sheet 5753 I lists entire UTM zone, 48 N.
L'ensemble de la zone UTM 48 N.
Bản đồ 5753 I liệt kê toàn vùng UTM 48 N.

LEGEND—LEGENDE—CHÚ THÍCH

MAP INFORMATION AS OF 1965
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1965
BẢN ĐỒ TÌNH TRẠNG NĂM 1965

HÃO LÓNG